

ESTC 1 Lesson 9 Occupation

míng zì
名字:

rì qī
日期:

Rearrange the words/phrases to form a sentence.
Write the numbers above the words.

3

1

2

Example wǔ kǒu rén 。 tā jiā yǒu
五口人。 / 她家 / 有

shì tā bà bà lǚ shī
1. 是 / 他爸爸 / 律师。

shì tā mā mā lǎo shī
2. 是 / 他妈妈 / 老师。

zài shàng hǎi tā gē gē gōng zuò
3. 在 / 上海 / 她哥哥 / 工作。

hé dì dì wǒ yǒu mèi mèi
4. 和 / 弟弟 / 我 / 有 / 妹妹。